

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:	Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch)
Trình <u>độ đào tạo</u> :	Đại học
Ngành đào tạo:	Việt Nam học
Mã số:	52220113
Loại hình đào tạo:	Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số 425/QĐ-ĐHKH ngày 01 tháng 12 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khánh Hòa)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Ngành Việt Nam học trình độ đại học đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về Việt Nam học, đáp ứng tốt yêu cầu của các công việc liên quan đến đất nước, con người Việt Nam.

Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Việt Nam học có thể làm việc trong các trung tâm nghiên cứu và đào tạo Việt Nam học; các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội về văn hóa, giáo dục; các cơ sở giảng dạy tiếng Việt; các hoạt động hướng dẫn du lịch tại doanh nghiệp lữ hành, đại lý lữ hành, điểm tham quan du lịch; có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ thuộc các chuyên ngành: Việt Nam học, Văn hóa học, Đông phương học, Du lịch học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp

- Có lập trường tư tưởng rõ ràng; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức trách nhiệm công dân trong việc tham gia các hoạt động chính trị - xã hội.

- Có thái độ trung thực, khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu về Việt Nam học nói riêng: văn hóa, văn học, lịch sử, ngôn ngữ, địa lí, du lịch Việt Nam...; có ý thức giữ gìn, bảo tồn, quảng bá và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

1.2.2. Kiến thức

- Chương trình đào tạo cung cấp các kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn: ngôn ngữ, văn hóa, văn học, lịch sử, Địa lí du lịch Việt Nam.

- Trang bị cho người học những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về công tác hướng dẫn du lịch, xây dựng và quảng bá chương trình du lịch, kỹ năng giao tiếp với khách hàng... để có thể vận dụng tốt vào hoạt động nghề nghiệp trong ngành du lịch.

- Sử dụng tốt tiếng Anh chuyên ngành và một ngoại ngữ khác như: Tiếng Nga, tiếng Nhật Bản, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Hàn Quốc.

1.2.3. Kỹ năng

Việt Nam học là khoa học liên ngành, nghiên cứu toàn diện về đất nước và con người Việt Nam. Do vậy, tốt nghiệp ngành này, sinh viên có các năng lực nghiệp vụ sau:

- Năng lực nghiên cứu, phân tích các kiến thức thuộc lĩnh vực Việt Nam học trên cơ sở vận dụng tổng hợp tri thức khoa học liên ngành như: văn hóa, ngôn ngữ, văn học, địa lí, lịch sử, du lịch.

- Kỹ năng thực hiện các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: Chuẩn bị, tổ chức thực hiện chương trình; Tổ chức đón tiếp và làm quen; Tổ chức phục vụ lưu trú, ăn uống; Tổ chức hướng dẫn tham quan du lịch; Tổ chức các hoạt động bổ trợ; Thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác; Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch; ...

- Có khả năng làm việc độc lập, khả năng thích ứng cao trong môi trường hoạt động của ngành du lịch.

- Có khả năng giao tiếp tốt với khách hàng, nắm bắt được yêu cầu phục vụ của khách; chăm sóc và giải quyết phàn nàn của khách hàng.

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành (nghe, nói, đọc, viết) đáp ứng các yêu cầu của công việc.

1.2.4. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Năng lực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Năng lực nghiên cứu các lĩnh vực khoa học về Việt Nam như: văn hóa, văn học, Địa lí, Lịch sử, Khảo cổ học.

1.2.5. Năng lực hoạt động nhóm và hoạt động xã hội

- Năng lực hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.

- Năng lực tổ chức, quản lí các hoạt động văn hóa dân tộc: lễ hội, du lịch lễ hội...

1.2.6. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Việt Nam học có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Nhân viên tại các bộ phận trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch, đại lý lữ hành, công ty tổ chức sự kiện.

- Chuyên viên trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội về văn hóa, giáo dục, du lịch
- Hướng dẫn viên du lịch

1.2.7. Trình độ tin học:

Chứng chỉ kỹ năng cơ bản trong các sản phẩm Microsoft Office (Chứng chỉ MOS - Microsoft Office Specialist) : Office Word và Office Excel.

1.2.8. Trình độ ngoại ngữ:

- Ngoại ngữ chính: Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B1 (bậc 3 theo khung NLNN) hoặc có chứng chỉ quốc tế tương đương.
- Ngoại ngữ phụ: Đạt trình độ A2 (bậc 2 theo khung NLNN) hoặc có chứng chỉ quốc tế tương đương một trong các thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Nhật, Hàn.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức tối thiểu cho toàn khóa học là **130** tín chỉ bao gồm học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể các nội dung về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng)

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	33	25	08
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	25	25	
	Lý luận chính trị	10	10	
	Khoa học xã hội - nhân văn	02	02	
	Ngoại ngữ	10	10	
	Khoa học tự nhiên	03	03	
	Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng - an ninh (Không tính vào tổng số tín chỉ)	12	12	
1.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	08		08
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	97	79	18
2.1	Kiến thức cơ sở của <u>khối ngành</u> , <u>nhóm ngành</u>	12	12	
2.2	Kiến thức chuyên ngành	64	56	08
2.3	Thực tế bộ môn, thực tập nghề	11	11	

	ng nghiệp			
2.4	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	10		10
	Tổng cộng	130	104	26

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sau khi hoàn thành chương trình khóa học, sinh viên phải làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung các học phần với thời lượng tương đương 10 tín chỉ để được xét công nhận tốt nghiệp.

6. Thang điểm

Thực hiện theo "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 33

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Điều kiện tiên quyết
1. Lý luận chính trị: 10 tín chỉ						
1	POT3101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2		
2	POT3102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3		POT3101
3	POT3103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		POT3102
4	POT3104	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3		POT3103
2. Khoa học Xã hội – Tự nhiên: 5 tín chỉ						
5	POT3105	Pháp luật đại cương	2	2		

6	INT3101	Tin học đại cương	3	3		
3. Ngoại ngữ: 10 tín chỉ						
7	ENG3101	Tiếng Anh 1	4	4		
8	ENG3102	Tiếng Anh 2	3	3		
9	ENG3103	Tiếng Anh 3	3	3		
4. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng an ninh: 12 tín chỉ (*)						
10	NDE3101	Giáo dục thể chất	4	4		
11	PHE3101	Giáo dục quốc phòng	8	8		
5. Khối kiến thức giáo dục đại cương tự chọn: 8 tín chỉ						
12	HIS3101	Lịch sử văn minh thế giới	2		Tự chọn Đại cương 1	
13	OMA3509	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			
14	BUA3202	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		Tự chọn Đại cương 2	
15	GEO3201	Khoa học môi trường	2			
16	BUA3109	Thống kê	2		Tự chọn Đại cương 3	
17	VIS3208	Dẫn luận ngôn ngữ học	2			
18	BUA3101	Tâm lý khách hàng	2		Tự chọn Đại cương 4	
19	VIE3208	Tiếng Việt thực hành	2			

7.2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: 97

	STT	Mã HP	Học phần	Số	Bắt buộc	Tự chọn	ĐK tiên quyết
--	-----	-------	----------	----	----------	---------	---------------

				tín chỉ			
	1. Khối kiến thức cơ sở ngành, nhóm ngành: 12 tín chỉ						
	20	CUL3202	Khu vực học và nhập môn Việt Nam học	2	2		
	21	TOU3420	Tổng quan du lịch	2	2		
	22	CUL3204	Cơ sở văn hóa Việt Nam 1	2	2		
	23	CUL3204	Cơ sở văn hóa Việt Nam 2	2	2		
	24	VIE3210	Hán Nôm cơ sở	4	4		
	2. Khối kiến thức chuyên ngành: 64 tín chỉ						
	2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 56 tín chỉ						
	25	CUL3401	Tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa	2	2		
	26	FIA3115	Mĩ thuật học đại cương	2	2		
	27	HIS3410	Lịch sử Việt Nam 1	2	2		
	28	HIS3414	Lịch sử Việt Nam 2	2	2		HIS3410
	29	HIS3413	Thế chế chính trị Việt Nam trong lịch sử	3	3		
	30	HIS3406	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	2		
	31	HIS3407	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	3		
	32	GEO3411	Địa lý Việt Nam	2	2		
	33	GET3412	Địa lý du lịch Việt Nam	2	2		GEO3411
	34	MAS3413	Xã hội học đại cương	2	2		
	35	VIE3402	Ngữ âm tiếng Việt	2	2		VIS3208
	36	VIE3415	Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Việt	2	2		VIE3402
	37	VIE3404	Ngữ pháp tiếng Việt	2	2		
	38	VIE3417	Phong cách tiếng Việt	2	2		
	39	VIE3419	Phương ngữ học	2	2		
	40	TOU3421	Kỹ năng giao tiếp du lịch	2	2		
	41	TOU3422	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	3		
	42	TOU3423	Marketing du lịch	2	2		
	43	TOU3424	Tuyến điểm du lịch 1	3	3		
	44	TOU3425	Tuyến điểm du lịch 2	3	3		

	45	TOU3426	Thiết kế và điều hành tour	2	2		
	46	TOU3427	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3		
	47	TOU3428	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3		
	48	TOU3429	Tiếng Anh chuyên ngành 3	3	3		
	2.2. Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn: chọn 8/16 tín chỉ						
	49	FIA3426	Di sản kiến trúc và <u>mỹ</u> thuật Việt Nam	2		Tự chọn Chuyên ngành 1	
	50	LIT3419	Chuyên đề Văn <u>học</u> Phương Đông	2			
	51	VIS3427	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2		Tự chọn Chuyên ngành 2	
	52	LIT3110	Mỹ học đại cương	2			
	53	LIT3428	Văn học địa phương	2		Tự chọn Chuyên ngành 3	
	54	HIS3429	Khảo cổ học	2			
	55	LIT3431	Đại cương Văn hóa Phương Đông	2		Tự chọn Chuyên ngành 4	
	56	CUL3203	Nhân học văn hóa	2			
	3. Thực tế, thực tập nghề nghiệp: 11 tín chỉ						
	57	TOU3601	Thực tế bộ môn 1	1	1		
	58	TOU3602	Thực tế bộ môn 2	2	2		
	59	TOU3603	Thực tập tốt nghiệp	8	8		
	4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn học thay thế: 10 tín chỉ						
	60	CUL3801	Đặc điểm các vùng văn hóa Việt Nam	4		4	
	61	HIS3802	Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và bảo tàng Việt Nam	3		3	
	62	TOU3803	Quản trị kinh doanh lễ hành	3		3	

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
Học kỳ 1 – Năm 1				
Các học phần bắt buộc:				

1	CUL3202	Khu vực học và nhập môn Việt Nam học	2	
2	CUL3204	Cơ sở văn hóa Việt Nam 1	2	
3	ENG3101	Tiếng Anh 1	4	
4	INT3101	Tin học đại cương	3	
5	NDE3101	Giáo dục Quốc phòng 1		4TC
6	PHE3101	Giáo dục thể chất 1		2TC
7	POT3101	Những NL cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin 1	2	
8	POT3105	Pháp luật đại cương	2	
Cộng học phần bắt buộc:			15	
Các học phần tự chọn:				
9	HIS3101	Lịch sử văn minh thế giới	2	
10	OMA3509	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	
Cộng học phần tự chọn:			2	
Học kỳ 2				
Các học phần bắt buộc:				
11	VIE3210	Hán Nôm cơ sở	4	
12	CUL3205	Cơ sở văn hóa Việt Nam 2	2	
13	ENG3102	Tiếng Anh 2	3	
14	TOU3420	Tổng quan du lịch	2	
15	PHE3102	Giáo dục thể chất 2		2TC
16	POT3102	Những NL cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin 2	3	
Cộng học phần bắt buộc:			14	
Các học phần tự chọn:				
17	PSE3101	Phương pháp NCKH	2	
18	GEO3201	Khoa học Môi trường	2	
Cộng học phần tự chọn:			2	
Học kỳ 3				
Các học phần bắt buộc:				
19	ENG3103	Tiếng Anh 3	3	
20	FIA3115	Mĩ thuật học đại cương	2	
21	GEO3411	Địa lý Việt Nam	2	
22	HIS3410	Lịch sử Việt Nam 1	2	
23	HIS3413	Thể chế chính trị Việt Nam trong lịch sử	3	
24	NDE3102	Giáo dục Quốc phòng 2		4TC
25	POT3103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	

26	TOU3424	Tuyển điểm du lịch 1	3	
Cộng học phần bắt buộc:			17	
Các học phần tự chọn:				
27	BUA3109	Thống kê	2	
28	VIE3208	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
Cộng học phần tự chọn:			2	
Học kỳ 4				
Các học phần bắt buộc:				
29	HIS3414	Lịch sử Việt Nam 2	2	
30	POT3104	Đường lối CM của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	
31	TOU3422	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
32	VIE3402	Ngữ âm tiếng Việt	2	
33	TOU3601	Thực tế bộ môn 1	1	
Cộng học phần bắt buộc:			11	
Các học phần tự chọn: (Chọn 1 HP nhóm 1, 1 HP nhóm 2)				
34	BUA3101	Tâm lý khách hàng [nhóm 1]	2	
35	VIE3101	Tiếng Việt thực hành [nhóm 1]	2	
36	LIT3419	Chuyên đề Văn học Phương Đông [nhóm 2]	2	
37	FIA3426	Di sản kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam [nhóm 2]	2	
Cộng học phần tự chọn:			4	
Học kỳ 5				
Các học phần bắt buộc:				
38	GET3412	Địa lý du lịch Việt Nam	2	
39	HIS3406	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	
40	TOU3427	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	
41	MAS3413	Xã hội học đại cương	2	
42	VIE3404	Ngữ pháp tiếng Việt	2	
43	VIE3415	Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Việt	2	
44	TOU3425	Tuyển điểm du lịch 2	3	
Cộng học phần bắt buộc:			16	
Học kỳ 6				
Các học phần bắt buộc:				
45	TOU3421	Kỹ năng giao tiếp du lịch	2	
46	VIE3417	Phong cách tiếng Việt	2	
47	TOU3428	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	

48	TOU3602	Thực tế bộ môn 2	2	
49				
Cộng học phần bắt buộc:			9	
Các học phần tự chọn: (Chọn 1 HP nhóm 1, 1 HP nhóm 2)				
50	CUL3427	Văn hóa ẩm thực Việt Nam [Nhóm 1]	2	
51	LIT3110	Mỹ học đại cương [Nhóm 1]	2	
52	HIS3429	Khảo cổ học [Nhóm 2]	2	
53	LIT3428	Văn học địa phương[Nhóm 2]	2	
Cộng học phần tự chọn:			4	
Học kỳ 7				
Các học phần bắt buộc:				
54	TOU3429	Tiếng Anh chuyên ngành 3	3	
55	CUL3401	Tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa	2	
56	HIS3407	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	
57	TOU3423	Marketing du lịch	2	
58	TOU3426	Thiết kế và điều hành tour du lịch	2	
59	VIE3419	Phương ngữ học	2	
Cộng học phần bắt buộc:			14	
Các học phần tự chọn:				
60	LIT3431	Đại cương Văn hóa Phương Đông	2	
61	CUL3203	Nhân học văn hóa	2	
Cộng học phần tự chọn:			2	
Học kỳ 8				
Các học phần bắt buộc:				
62	TOU3603	Thực tập tốt nghiệp	8	
63	TOU 3701	Khóa luận tốt nghiệp	10	
Cộng học phần bắt buộc:			18	
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:				
64	CUL3801	Đặc điểm các vùng văn hóa Việt Nam	4	
65	HIS3802	Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và bảo tàng Việt Nam	3	
66	TOU3803	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	
Cộng học phần tự chọn:			10	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1, 2 (2,3)

5 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cung cấp những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; về kinh tế chính trị của chủ nghĩa tư bản; về chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin.

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhằm giúp cho sinh viên nắm được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về Đảng cộng sản Việt Nam và về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

9.3. Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.

9.4. Pháp luật đại cương:

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin.

Nội dung cơ bản bao gồm những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật, quan hệ trách nhiệm pháp lý, các quy phạm, các văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam.

9.5. Tin học đại cương

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Một số vấn đề cơ bản về máy tính và tin học; hệ điều hành Windows; soạn thảo văn bản trên máy tính; sử dụng bảng tính Excel, PowerPoint; sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

9.6. Tiếng Anh 1, 2, 3 (4, 3, 3)

10 tín chỉ

Thời lượng học ngoại ngữ 7 tín chỉ quy định cho các đối tượng đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 7 năm của giáo dục phổ thông. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức

cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu kết thúc khoa học phải đạt trình độ trung cấp.

9.7. Giáo dục thể chất (2,2)

4 tín chỉ

Nội dung ban hành tại Quyết định số 778/QĐ-ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nha Trang.

9.8. Giáo dục quốc phòng (4, 4)

8 tín chỉ

Nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 và Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

9.9. Lịch sử văn minh thế giới

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần “Lịch sử văn minh thế giới” cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản như văn minh, văn hóa; giải thích các thuật ngữ phương Đông, phương Tây; những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của văn minh nhân loại qua ba làn sóng: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh trí tuệ; những thành tựu chủ yếu của các nền văn minh lớn trên thế giới và dự báo về nền văn minh nhân loại trong tương lai.

9.10. Kỹ thuật soạn thảo văn bản

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những khái niệm về văn bản hành chính, cấu trúc nội dung và cấu trúc hình thức của văn bản hành chính. Bên cạnh đó, rèn cho SV các kỹ năng soạn thảo nhiều loại văn bản hành chính thông dụng như công văn, biên bản, hợp đồng...

9.11. Phương pháp nghiên cứu khoa học

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp kiến thức về phương pháp nghiên cứu nói chung.

Xây dựng các kỹ năng liên quan đến tiến trình nghiên cứu (như xác định đề tài, tìm kiếm và xử lý tài liệu, xác lập và kiểm tra giả thuyết); đến việc viết luận văn cũng như bảo vệ luận văn.

9.12. Khoa học môi trường

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những vấn đề cơ bản: Hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường; Tác động của con người đến môi trường; Ô nhiễm môi trường; Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường; Biến đổi khí hậu toàn cầu và chiến lược bảo vệ môi trường.

9.13. Thống kê

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung chính: Một số khái niệm về đối tượng của Thống kê học; Các khái niệm và thuật ngữ cơ bản của Thống kê học vận dụng vào kinh doanh du lịch. Vai trò của nghiên

cứu thống kê trong quản lý kinh tế vĩ mô và vi mô. Quá trình nghiên cứu Thống kê trong kinh doanh du lịch. Các phương pháp thống kê phổ biến áp dụng trong hoạt động du lịch.

9.14. Dẫn luận ngôn ngữ học

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Dẫn luận ngôn ngữ học là khoa học nghiên cứu những vấn đề có liên quan các ngôn ngữ trên thế giới. Học phần này cung cấp những tri thức tối thiểu về ngôn ngữ học thế giới. Tiếp theo, sinh viên cần phân biệt ngôn ngữ với tư cách là phương tiện giao tiếp và phát triển tư duy con người với những hiện tượng khác cũng được gọi là ngôn ngữ. Sau đó, sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản và quan trọng nhất, với những thành tựu mới nhất của ngôn ngữ học thế giới.

9.15. Tâm lý khách hàng

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung lý thuyết chính: tâm lý con người nói chung và tâm lý khách du lịch nói riêng. Vận dụng hiệu quả vào quá trình giao tiếp với khách du lịch. Vận dụng hiệu quả vào hoạt động bán hàng và chăm sóc khách hàng..

Các phương pháp dạy học cơ bản: nghe giảng, tóm tắt tài liệu và lập đề cương vấn đề nghiên cứu, sưu tầm tài liệu liên quan và làm bài tập trước khi nghe giảng. Thảo luận theo nhóm và toàn lớp.

9.16. Tiếng Việt thực hành

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần có 2 phần gồm: phần 1: Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản gồm 3 chương: 1/Tìm ý chính của văn bản và đoạn văn, 2/Đọc và xác định văn bản theo PCCN ngôn ngữ, 3/Thuật lại nội dung văn bản. Phần 2: Rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản gồm 2 chương: 1/Kỹ năng tạo lập văn bản: Yêu cầu chung, định hướng văn bản, xây dựng đề cương và lập luận. 2/Kỹ năng tạo lập và chữa lỗi các loại đơn vị trong văn bản: đoạn, câu, từ, chính tả.

Chuẩn bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sau này sinh viên có thể làm tốt công tác theo từng chuyên ngành cụ thể. Sinh viên học tập học phần này, không chỉ để rèn luyện ngôn ngữ cho bản thân, mà còn hướng đến việc rèn luyện năng lực ngôn ngữ giao tiếp cộng đồng như: quá trình giao tiếp; những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp; nhận diện bản thân trong giao tiếp; kỹ năng nói; kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng thuyết trình...

9.17. Khu vực học và nhập môn Việt Nam học

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần “Khu vực học và Nhập môn Việt Nam học” cung cấp những kiến thức nhập môn về khái niệm Khu vực học và Việt Nam học với tư cách là khoa học liên ngành, về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Khu vực học và Việt Nam học, mối quan hệ giữa Việt Nam học với các ngành khoa học khác; đồng thời khái quát những thành tựu nghiên cứu Việt Nam học ở Việt Nam và trên thế giới. Trên cơ sở nhận thức được tầm quan trọng của Việt Nam học, sinh viên có ý thức học tập, nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn ngành học.

9.18. Tổng quan du lịch

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về du lịch. Giúp sinh viên làm quen với các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, các loại hình cơ sở lưu trú, loại hình du lịch, nhu cầu của khách, các điều kiện phát triển du lịch cũng như tác động của du lịch đến kinh tế, văn hóa xã hội hay môi trường. Đây là học phần cơ sở đầu tiên và quan trọng của bất cứ chuyên ngành du lịch nào.

9.19. Cơ sở văn hóa Việt Nam 1

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Dẫn luận ngôn ngữ học

Xây dựng cơ sở lý luận về vấn đề văn hóa và văn hóa học; Giới thiệu chung về tiến trình lịch sử của nền văn hóa Việt Nam; Phân tích đặc trưng văn hóa Việt Nam gốc nông nghiệp lúa nước, đặc trưng các vùng văn hóa Việt Nam.

9.20. Cơ sở văn hóa Việt Nam 2

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Dẫn luận ngôn ngữ học

Xây dựng cơ sở lý luận về vấn đề văn hóa và văn hóa học; Giới thiệu chung về tiến trình lịch sử của nền văn hóa Việt Nam; Phân tích đặc trưng văn hóa Việt Nam gốc nông nghiệp lúa nước, đặc trưng các vùng văn hóa Việt Nam.

9.21. Hán nôm cơ sở

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Dẫn luận ngôn ngữ học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về chữ Hán và chữ Nôm, bao gồm lịch sử về chữ Hán và chữ Nôm, các bộ, các kiểu chữ Hán, cách viết chữ Hán; chữ Hán được dạy và học trong mối quan hệ với các đơn vị, cấp độ trong Hán ngữ: tự - từ - ngữ - cú - văn bản; các phương thức diễn đạt ý nghĩa, ngữ pháp (thực từ, hư từ) trong Hán văn ở mức độ nhập môn, thông qua những bài học cụ thể ứng với các chủ đề (tự nhiên, xã hội, lịch sử...). mối quan hệ giữa chữ Hán và chữ Nôm, cấu tạo chữ Nôm; rèn luyện kỹ năng viết, đọc, dịch các văn bản Hán – Nôm.

9.22. Tổ chức, quản lý các hoạt động văn hóa

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Dẫn luận ngôn ngữ học

- Hoạt động văn hóa nghệ thuật không chuyên
- Hoạt động văn hóa nghệ thuật tuyên truyền bằng miệng
- Phương pháp sân khấu hóa
- Phương pháp minh họa

9.23. Mỹ thuật học đại cương

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Mỹ thuật học đại cương nhằm cung cấp cho học sinh, sinh viên (HS-SV) những kiến thức cơ bản về mỹ thuật:

- + Kiến thức chung
- + Các kiến thức tạo hình

9.24. Lịch sử Việt Nam 1

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Lịch sử Việt Nam 1 (cổ - trung đại) chính là giai đoạn lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1858. Bao trùm toàn bộ học phần là nội dung lớn gồm: sự thay thế, phát triển kế tiếp giữa các triều đại, các thời kỳ lịch sử; quá trình ra đời, hoàn thiện của hệ thống nhà nước; những thành tựu phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội; Lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ. Các vấn đề được trình bày theo lịch đại đồng thời ở mỗi giai đoạn được phân tích, đánh giá khách quan, khoa học. Đây là những kiến thức nền, căn bản, giúp sinh viên tiếp cận nội dung các học phần lịch sử kế tiếp cũng như các học phần liên quan.

Trên cơ sở hiểu biết, sinh viên có thể nhận thức được bản sắc văn hóa độc đáo, truyền thống yêu nước, tinh thần chiến đấu bất khuất, anh dũng của dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Đó là những giá trị vô cùng cao quý.

9.25. Lịch sử Việt Nam 2

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam 1

Xuất phát từ mục tiêu “Dân ta phải biết sử ta”, “Lịch sử Việt Nam 2” là học phần giúp cho sinh viên ngành Việt Nam học nắm được tiến trình lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến nay, trong đó giai đoạn lịch sử Việt Nam cận đại từ năm 1858 đến năm 1945: trọng tâm là quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858 - 1884), cuộc kháng chiến chống xâm lăng và các phong trào đấu tranh của nhân dân ta nhằm chống lại ách nô dịch của thực dân Pháp cho tới ngày toàn thắng (8/1945); giai đoạn lịch sử Việt Nam hiện đại từ năm 1945 đến nay: trọng tâm là cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), sau năm 1954 là công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam (1954 - 1975), và từ sau năm 1975 đến nay là công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc trên cả nước.

9.26. Thể chế chính trị Việt Nam trong lịch sử

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam 2

Học phần “*Thể chế chính trị Việt Nam trong lịch sử*” cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về chính trị, thể chế chính trị; những kiến thức cơ bản về hoàn cảnh ra đời, sự phát triển của thể chế chính trị Việt Nam từ thời dựng nước cho đến nay, trong đó tập trung vào thể chế chính trị Việt Nam hiện đại. Trên cơ sở đó, sinh viên hiểu được tính quy luật tất yếu của sự ra đời và phát triển của thể chế chính trị cộng hòa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

9.27. Lịch sử tư tưởng Việt Nam

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam 2

Học phần “Lịch sử tư tưởng Việt Nam” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành, sự phát triển của tư tưởng Việt Nam trong tiến trình lịch sử, chủ yếu là tư tưởng triết học, tư tưởng chính trị và tư tưởng tôn giáo, khái quát được cốt lõi tư tưởng Việt Nam là yêu nước, dân chủ và nhân ái. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu những đề tài liên quan đến tư tưởng Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa, khu vực hóa hiện nay.

9.28. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Lịch sử Việt Nam là lịch sử của tất cả các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam. Môn học này nhằm cung cấp những tri thức cần thiết về chủ nhân của toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam trên mọi phương diện đời sống xã hội và của đất nước. Dù lịch sử hiện diện và quá trình hòa nhập vào cộng đồng dân tộc Việt Nam của các thành phần tộc người không phải như nhau nhưng tất cả đều là một thể thống nhất bên cạnh đặc điểm riêng của mỗi tộc người.

9.29. Địa lý Việt Nam

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm 4 phần, trong đó phân tích những đặc điểm của địa lý tự nhiên Việt Nam cũng như các vùng cảnh quan sinh thái Việt Nam. Từ đó, nêu khái quát mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người Việt Nam, đồng thời đặt ra một số vấn đề cấp thiết về bảo vệ thiên nhiên ở Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về dân cư Việt Nam, đồng thời phân tích những nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, hiện trạng phát triển các ngành kinh tế chủ yếu Việt Nam, sự phân hoá của nền kinh tế Việt Nam theo ngành và theo lãnh thổ. Những vấn đề đặt ra cho tự nhiên và kinh tế - xã hội nước ta trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

9.30. Địa lí du lịch việt nam

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Địa lý Việt Nam

Nội dung của học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản dưới góc nhìn của khoa học Địa lý về du lịch Việt Nam bao gồm cả hệ thống lý luận và vận dụng vào thực tiễn du lịch nước ta hiện nay.

9.31. Xã hội học đại cương

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội, sự hình thành và phát triển của xã hội học, phương pháp nghiên cứu, khái lược về xã hội học và các lĩnh vực của xã hội học chuyên ngành.

9.32. Ngữ âm tiếng Việt

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Ngữ âm tiếng Việt là học phần chuyên sâu đầu tiên của bộ môn tiếng Việt. Học phần này sẽ giúp cho sinh viên có một cái nhìn tổng thể về quá trình phát triển, quan hệ loại hình và hệ thống chữ viết của tiếng Việt. Đồng thời, để làm cơ sở cho việc tìm hiểu những vấn đề cụ thể, học phần sẽ đi vào các thành phần ngữ âm của tiếng Việt với hai đơn vị cơ bản là âm tiết và âm vị. Kiến thức này sẽ là nền tảng quan trọng cho việc rèn luyện sinh viên các vấn đề về kĩ năng: đọc đúng, viết đúng chính tả, đặc biệt giao tiếp đúng chuẩn ngữ âm để đạt được hiệu quả cao cũng như phục vụ tốt cho công tác chuyên môn sau này.

9.33. Từ vựng học– ngữ nghĩa tiếng Việt

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Dẫn luận ngôn ngữ học

Học phần cung cấp những vấn đề về từ vựng và đơn vị từ vựng. Nhưng linh hồn của các sự kiện từ vựng là nghĩa: nghĩa trong hệ thống và nghĩa trong hoạt động hành chức. Chúng ta phải dựa vào nghĩa trong hệ thống mà lí giải nghĩa trong hành chức và ngược lại. Cả hai đều là điều kiện cần và đủ để giải thích nghĩa của từ. Nói đến nghĩa là nói đến sự tinh tế trong cách cảm nhận về thực tế bên ngoài và bên trong con người Việt Nam, làm cho ngôn ngữ Việt Nam ngày càng giàu đẹp.

9.34. Ngữ pháp tiếng Việt

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về từ loại, cụm từ và câu tiếng Việt. Đó là các nội dung vấn đề về đặc điểm, phân loại, cấu tạo các loại đơn vị từ loại, cụm từ và câu. Từ đó, giúp sinh viên đối chiếu với kiến thức về từ loại, cụm từ và câu tiếng Việt trong chương trình SGK THPT. Bên cạnh việc giảng dạy ngữ pháp truyền thống, giáo viên cũng hướng đến việc nghiên cứu ngữ pháp chức năng cho sinh viên. Kiến thức này sẽ là nền tảng quan trọng nhằm rèn luyện cho sinh viên các vấn đề về kĩ năng sử dụng: đọc đúng, viết đúng ngữ pháp tiếng Việt, đồng thời biết vận dụng ngữ pháp tiếng Việt một cách linh hoạt trong giao tiếp.

9.35. Phong cách Tiếng Việt

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung của học phần được thiết kế thành 3 chương. Chương 1 trình bày lí thuyết chung về phong cách học, đặc biệt là về đối tượng, nhiệm vụ của phong cách học, một số khái niệm cơ bản của ngành học, vấn đề chuẩn mực ngôn ngữ, chuẩn mực phong cách và phương pháp phân tích sự biểu đạt của phong cách học. Chương 2 giới thiệu một số cách phân loại các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt sau đó miêu tả từng phong cách cụ thể như: Phong cách khẩu ngữ, phong cách hành chính, phong cách khoa học, phong cách báo chí, phong cách chính luận và phong cách ngôn ngữ văn chương. Chương 3 miêu tả các phương tiện và biện pháp tu từ ngữ âm, từ ngữ, cú pháp tiếng Việt được dạy học trong chương trình và sách giáo khoa ở trường THPT hiện nay. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về đặc trưng các thể loại ngôn ngữ thơ, luật thơ và ngôn ngữ văn xuôi; cách cảm thụ và cách sáng tác văn thơ để làm giàu tâm hồn, trí tuệ cho người học hoặc cống hiến cho xã hội.

9.36. Phương ngữ học

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần được triển khai theo hai phần: Phần I trình bày những vấn đề khái quát về phương ngữ học trong đó giới thiệu đối tượng, phương pháp nghiên cứu và một số thuật ngữ cơ bản của ngành phương ngữ học. Phần II đi sâu nghiên cứu các biến thể ngữ âm và những khác biệt về từ ngữ của các vùng phương ngữ tiếng Việt. Bên cạnh việc giới thiệu các hệ thống ngữ âm của các vùng phương ngữ tiêu biểu của tiếng Việt học phần còn giới thiệu biến thể ngữ âm đặc thù của một số phương ngữ thổ ngữ giúp người học hình dung được sự phong phú và đa dạng của ngôn ngữ trong không gian. Để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu tác phẩm văn học, học phần còn giới thiệu chức năng của phương ngữ trong tác phẩm văn học và trong thực tế giao tiếp.

9.37. Kỹ năng giao tiếp du lịch

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kỹ năng giao tiếp Du lịch cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về: Một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp, một số nghi thức giao tiếp cơ bản; Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong cuộc sống hàng ngày, kỹ năng giao tiếp ứng xử trong hoạt động kinh doanh du lịch và một số tập quán giao tiếp theo tôn giáo và lãnh thổ tiêu biểu trên thế giới. Ngoài ra, học phần còn định hướng giải quyết các bài tập tình huống và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp ứng xử trong hoạt động du lịch.

9.38. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về: Những khái niệm cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch, phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch, các tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch. Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thuyết minh, hướng dẫn tham quan, tổ chức chương trình du lịch và xử lý các tình huống du lịch.

9.39. Marketing du lịch

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về lĩnh vực Marketing du lịch. Giúp sinh viên làm quen với các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, các chiến lược marketing hỗn hợp (chính sách sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Hướng dẫn sinh viên vận dụng những kiến thức môn học nhằm đưa ra những chiến lược marketing phù hợp trong quá trình lập kế hoạch marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên thực tế.

9.40. Tuyển điểm du lịch 1

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

Học phần tuyển điểm du lịch Việt Nam 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khái niệm tuyển điểm du lịch, tiêu chí xây dựng tuyển điểm du lịch, thông tin về một số tuyển điểm du lịch Việt Nam tiêu biểu thuộc bốn vùng du lịch: Nam trung bộ, Tây nguyên, Đông nam bộ, Tây nam bộ. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản về xây dựng lộ trình tham quan tại điểm du lịch, xây dựng lộ trình tham quan theo tuyến du lịch.

9.41. Tuyển điểm du lịch 2

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam 1, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Học phần tuyển điểm du lịch Việt Nam 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở hạ tầng du lịch, thông tin về một số tuyển điểm du lịch Việt Nam tiêu biểu thuộc ba vùng du lịch: Bắc trung bộ, đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông bắc, trung du và miền núi Bắc bộ. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản về xây dựng lộ trình tham quan tại điểm du lịch, xây dựng lộ trình tham quan theo tuyến du lịch.

9.42. Thiết kế và điều hành tour du lịch

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng của công tác thiết kế và điều hành tour như: quy trình xây dựng chương trình du lịch, quy trình điều hành tour, mỗi

quan hệ giữa các đơn vị cung ứng dịch vụ du lịch. Rèn luyện cho người học kỹ năng tổ chức và điều hành một chương trình du lịch.

9.43. Tiếng Anh chuyên ngành 1

3 tín chỉ

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên:

- Có thể sử dụng được một số cấu trúc giao tiếp tiếng Anh trong giao tiếp tại văn phòng tour, nắm được những cấu trúc ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói trong công việc điều hành tour và hướng dẫn; có kiến thức về văn hóa nhằm phục vụ cho việc giao tiếp có hiệu quả bằng tiếng Anh trong lĩnh vực du lịch
- Rèn luyện 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết; Chuyên sâu rèn luyện kỹ năng nói: phát âm, ngữ điệu; Phát huy khả năng giao tiếp và đối phó với các tình huống thực tế trong môi trường du lịch

9.44. Tiếng Anh chuyên ngành 2

3 tín chỉ

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên:

- Cung cấp kiến thức về tuyến điểm du lịch bằng tiếng Anh; Rèn luyện kỹ năng thuyết minh tại điểm du lịch bằng tiếng Anh; Tăng cường kỹ năng giải đáp thắc mắc bằng tiếng Anh; Tăng cường khả năng giao tiếp và đối phó với những tình huống trong thực tế;
- Rèn luyện 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết; Chuyên sâu rèn luyện kỹ năng nói: phát âm, ngữ điệu; Phát huy khả năng giao tiếp và đối phó với các tình huống thực tế trong môi trường du lịch.

9.45. Tiếng Anh chuyên ngành 3

3 tín chỉ

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên:

- Cung cấp kiến thức về tuyến điểm du lịch bằng tiếng Anh; Rèn luyện kỹ năng thuyết minh tại điểm du lịch bằng tiếng Anh; Tăng cường kỹ năng giải đáp thắc mắc bằng tiếng Anh; Tăng cường khả năng giao tiếp và đối phó với những tình huống trong thực tế; Tiếp tục rèn luyện nâng cao 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; Chuyên sâu rèn luyện kỹ năng nói: phát âm, ngữ điệu.
- Rèn luyện 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết; Chuyên sâu rèn luyện kỹ năng nói: phát âm, ngữ điệu; Phát huy khả năng giao tiếp và đối phó với các tình huống thực tế trong môi trường du lịch

9.46. Di sản kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam 2

Học phần này gồm 2 phần:

Phần một là phần là phần tìm hiểu về những giá trị văn hóa- nghệ thuật thông qua các di sản mỹ thuật của thời kỳ Tiền và Sơ sử Việt Nam.

Phần hai cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm mỹ thuật, của các di sản kiến trúc và mỹ thuật qua những thời kỳ lịch sử; thời Lý, thời Trần, thời Hậu Lê thế kỷ 17-18, thời Nguyễn.

9.47. Chuyên đề văn học Phương Đông

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Học phần giới thiệu một số vấn đề của văn học phương Đông hiện đại và đương đại, tập trung vào một số tác giả tiêu biểu của văn học Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản: Tiểu thuyết Trung Quốc thời kỳ Đổi mới và nhà văn Mạc Ngôn; Tiểu thuyết Nhật Bản từ Kawabata đến Murakami; Tiếp cận thơ Tagore từ góc nhìn văn hóa

9.48. Văn hóa ẩm thực Việt Nam

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần *Văn hóa ẩm thực Việt Nam* trang bị cho sinh viên Cái nhìn tổng quát về ẩm thực và văn hóa ẩm thực Việt Nam. Sinh viên có kiến thức nền tảng về nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển, các đặc trưng của văn hóa ẩm thực Việt Nam.

9.49. Văn học địa phương

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Văn học địa phương là một phần không thể thiếu của văn học dân tộc đồng thời góp phần làm nên nền văn học đa dạng, phong phú của dân tộc. Học phần có hai phương diện kiến thức quan trọng: Một là hình thành cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về văn học địa phương và nghiên cứu Văn học địa phương dưới góc độ khu vực học, văn hóa học. Hai là: Đi sâu tìm hiểu về văn học địa phương Khánh Hòa: văn học dân gian, văn học Viết,...

9.50. Khảo cổ học

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần “Khảo cổ học” cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, lịch sử ngành Khảo cổ học Thế giới và Việt Nam và những thành tựu khảo cổ học của thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ đồ đá, đồ đồng, đồ sắt, trong đó có thành tựu khảo cổ học Champa và Óc Eo. Trên cơ sở hiểu biết về Khảo cổ học, sinh viên có ý thức tìm tòi, nghiên cứu, phục dựng lịch sử, văn hóa thông qua các di tích, di vật.

9.51. Đại cương văn hóa phương Đông

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đề cập đến các nội dung chính: khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, điều kiện hình thành, quá trình phát triển và những thành tựu chính của văn hóa phương Đông cổ trung đại và cận hiện đại.

9.52. Nhân học văn hóa

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nhân học văn hóa là khoa học nghiên cứu đời sống văn hóa của con người bao gồm: Tín ngưỡng, tôn giáo, các hoạt động sống, các giá trị nhân văn, ý tưởng. công nghệ, kinh tế

thông qua nhiều phương pháp và lý thuyết tiếp cận của các nhà nhân học văn hóa nghiên cứu văn hóa từ nhiều mặt của đời sống con người trên thế giới trong các giai đoạn lịch sử.

9.53. Thực tế bộ môn 1

1 tín chỉ

Sinh viên được đi tham quan thực tế qua nhiều tuyến điểm du lịch, các địa danh du lịch nổi tiếng ngoài tỉnh Khánh Hòa (tuyến Tây Nguyên và miền Nam), từ đó bổ sung kiến thức thực tế về tuyến, điểm, về tài nguyên du lịch.... Trong chuyến đi thực tế bộ môn, sinh viên vừa đóng vai trò là du khách vừa đóng vai trò là nhà tổ chức du lịch và đặc biệt là thực hành các kỹ năng của hướng dẫn viên du lịch. Sau chuyến đi từng sinh viên viết báo cáo thu hoạch về chuyến đi thực tế và được đánh giá chấm điểm như một học phần bắt buộc.

9.54. Thực tế bộ môn 2

2 tín chỉ

Nội dung thực thực tế bộ môn qua nhiều tuyến điểm du lịch, các địa danh du lịch nổi tiếng ngoài tỉnh Khánh Hòa (các tuyến miền Trung và Bắc Trung Bộ), từ đó bổ sung kiến thức thực tế về tuyến, điểm, về tài nguyên du lịch.... Trong chuyến đi thực tế bộ môn, sinh viên vừa đóng vai trò là du khách vừa đóng vai trò là nhà tổ chức du lịch và đặc biệt là thực hành các kỹ năng của hướng dẫn viên du lịch. Sau chuyến đi từng sinh viên viết báo cáo thu hoạch về chuyến đi thực tế và được đánh giá chấm điểm như một học phần bắt buộc.

9.55 Đặc điểm các vùng văn hóa việt nam

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần cung cấp cho SV những vấn đề về: Những khái niệm cơ bản về văn hóa vùng và quá trình phát triển cũng như các đặc trưng văn hóa từng vùng miền trên đất nước.

9.56. Hệ thống Di tích lịch sử - văn hóa và Bảo tàng Việt nam

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Hệ thống Di tích lịch sử - văn hóa và Bảo tàng Việt Nam với nội dung cơ bản trình bày và làm rõ kiến thức về các khái niệm, đặc trưng, chức năng, đặc điểm, phân loại, hệ thống của di tích và bảo tàng Việt Nam, kiến thức về hình thức, phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch các loại di tích và bảo tàng Việt Nam. Học phần cũng đề cập đến kiến thức về di tích của các dân tộc thiểu số, nhất là di tích Champa cùng di tích và bảo tàng địa phương (Khánh Hòa). Học phần còn có nội dung hướng dẫn kỹ năng khai thác sử dụng các giá trị của di tích, bảo tàng Việt Nam nói chung và di tích, bảo tàng địa phương (Khánh Hòa) nói riêng trong hoạt động du lịch.

9.57. Quản trị kinh doanh lữ hành

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Marketing du lịch, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Tuyến điểm du lịch Việt Nam 1,2

Nội dung chính: khái niệm kinh doanh lữ hành, vai trò của kinh doanh lữ hành; Điều kiện để thành lập một doanh nghiệp lữ hành nội địa và doanh nghiệp lữ hành quốc tế, cơ cấu tổ chức một doanh nghiệp lữ hành. Sinh viên biết cách thiết kế một chương trình du lịch; xác định được giá thành và giá bán một chương trình du lịch. Sinh viên nắm được các công đoạn trong việc tổ chức thực hiện chương trình du lịch và thanh quyết toán hợp đồng.

9.58. Thực tập tốt nghiệp

8 tín chỉ

Hoàn thành các học phần bắt buộc từ học kỳ I – học kỳ VII.

Thực tập tốt nghiệp của sinh viên (8-12 tuần) ở các doanh nghiệp du lịch hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, các công ty, đại lý lữ hành. Kết thúc thực tập, sinh viên phải làm báo cáo thực tập tốt nghiệp.

9.59. Khoá luận tốt nghiệp

10 tín chỉ

Sinh viên đạt kết quả học tập từ loại Khá trở lên ($\text{ĐTBHT} \geq 7,00$)

Sau khi hoàn thành chương trình khóa học, sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần (10 tín chỉ) để được xét công nhận tốt nghiệp.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

T T	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Chức danh	Môn dạy / học phần sẽ giảng dạy	Nơi công tác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chu Đình Lộc	1965	Tiến sĩ, Việt Nam, 2011, Sử học	Phó HT	Lịch sử Việt Nam 1, 2	
2	Ngô Thị Minh	1960	Tiến sĩ, Việt Nam, 2001 Lý luận ngôn ngữ	Giảng viên chính	Dẫn luận ngôn ngữ học, 2	Khoa KHXH & NV
3	Trần Viết Thiện	1978	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012 Văn học Việt Nam	Giảng viên, Trưởng khoa XHNV	Văn học hiện đại Việt Nam, 3	Khoa KHXH & NV
4	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	1981	ThS. Quản trị kinh doanh	Giảng viên, Phó trưởng Khoa Du lịch – Phụ trách khoa	Marketing du lịch	Khoa Du lịch
5	Lại Cẩm Chiêu	1984	ThS. Du lịch	Giảng viên, Phó trưởng khoa Du lịch	Tâm lý khách hàng	Khoa DL
6	Phạm Quốc Tuấn	1980	ThS Du lịch	Giảng viên, Phó trưởng	Quản trị kinh doanh lữ	Khoa DL

				bộ môn QTKD LH – Phụ trách tổ	hành, Nghiệp vụ hướng dẫn	
7	Ngô Thị Như Thùy	1974	ThS. Quản trị kinh doanh	Giảng viên	Quản trị học	Khoa DL
8	Phạm Hồng Liêm	1971	ThS. Quản trị kinh doanh	Giảng viên	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Khoa DL
9	Lê Hoàng Hà Thị Ngân	1984	ThS. Kinh tế phát triển	Giảng viên	Quản trị kinh doanh lữ hành	Khoa DL
10	Đoàn Thị Hiền Trang	1981	ThS. Quản trị kinh doanh	Giảng viên, Trợ lý khoa	Quản trị kinh doanh lữ hành	Khoa DL
11	Nguyễn Thị Linh Khánh	1987	ThS. Quản trị kinh doanh	Giảng viên	Thống kê	Khoa DL
12	Trần Thị Hạnh Nguyễn	1984	ThS. Du lịch và Marketing	Giảng viên	Marketing du lịch	Khoa DL
13	Đỗ Phương Quyên	1982	ThS. Du lịch	Giảng viên	Tuyển điểm du lịch Việt Nam 1,2	Khoa DL
14	Huỳnh Thị Trinh Loan	1988	Ths. Du lịch, di sản, lãnh thổ	Giảng viên	Thiết kế và điều hành tour du lịch	Khoa DL
15	Trịnh Thị Hà Trang	1980	ThS. Quản trị kinh doanh	Giảng viên	Kỹ năng giao tiếp du lịch	Khoa DL
16	Vũ Thị Trinh	1986	Ths Chính sách vùng miền trong du lịch và VCGT	Giảng viên	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Khoa DL
17	Huỳnh Ngọc Phươn g	1974	Ths Du lịch	Giảng viên	Nghiệp vụ hướng dẫn	TTPTD L
18	Đậu Minh Đức	1984	ThS Du lịch	Giảng viên	Kỹ năng giao tiếp du lịch	TTPTD L
19	Lê Hữu Dũng	1984	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010 Địa lý học	Giảng viên	Địa lý du lịch Việt Nam	Khoa KHXH &NV
20	Nguyễn Thị Bé	1981	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009 Ngôn ngữ học	Giảng viên	Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Việt	Khoa KHXH &NV

21	Trương Đình Dũng	1964	Thạc sĩ, Việt Nam, 2003 Địa lý học	Giảng viên chính	Địa lý Việt Nam	Khoa KHXH &NV
22	Nguyễn Thị Kim Hằng	1984	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009 Lịch sử thế giới	Giảng viên	Thế chế chính trị Việt Nam trong lịch sử	Khoa KHXH &NV
23	Nguyễn Duy Trường	1981	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009, Lịch sử Việt Nam	Giảng viên	Lịch sử tư tưởng Việt Nam, 2	Khoa KHXH &NV
24	Trần Thị Ánh Thu	1962	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005 Lý luận ngôn ngữ	Giảng viên	Tiếng Việt thực hành	Khoa KHXH &NV
25	Bùi Thị Như Phượng	1980	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007 Lý luận văn học	Giảng viên	Xã hội học đại cương, 2	Khoa KHXH &NV
26	Hồ Hải Hưng	1977	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010, NCS Lịch sử Việt Nam	Giảng viên	Thế chế chính trị Việt Nam trong lịch sử, 2	Khoa KHXH &NV
27	Nguyễn Thị Tinh	1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009 Văn học Việt Nam	Giảng viên	Phương ngữ học, 2	Khoa KHXH &NV
28	Phạm Thu Trang	1976	Thạc sĩ, Việt Nam, 2002 Ngôn ngữ học	Giảng viên	Ngữ pháp tiếng Việt, 3	Khoa KHXH &NV
29	Chu Thị Lộc An	1976	Thạc sĩ, Việt Nam, 2004 Ngôn ngữ học	Giảng viên	Ngữ âm tiếng Việt	Trung tâm ĐTTX
30	Nguyễn Văn Bốn	1980	Ths Văn hóa học	Giảng viên	Cơ sở VHVN	Khoa QLVH
31	Nguyễn Văn Tú	1971	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012 Mỹ thuật tạo hình	Giảng viên	Di sản kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam, 2	Khoa Nghệ thuật
32	Nguyễn Thị Phong Lê	1978	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011 PPDH Văn	Giảng viên	Phong cách tiếng Việt, 2	Khoa Sư phạm

33	Vũ Thị Kim Oanh	1968	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012 Triết học	Giảng viên chính	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1, 2	Khoa Sư phạm
34	Lê Quang Chung	1978	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013 <u>Giao dục học</u> (TDTT)	Giảng viên	Giáo dục thể chất (4), 1	Khoa Sư phạm
35	Đỗ Thị Hà	1966	Thạc sĩ, Việt Nam, 1999 Khoa học Xã hội và Nhân văn	Giảng viên chính	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN, 3	Khoa Sư phạm
36	Cao Thị Hà	1963	Thạc sĩ, Việt Nam, 1999 Khoa học Xã hội và Nhân văn	Giảng viên chính	Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2	Khoa Sư phạm
37	Nguyễn Phương Thúy	1980	Tiến sĩ, Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Giảng viên	Tiếng Anh chuyên ngành	Khoa Ngoại ngữ
38	Võ Tú Phuong	1980	Thạc sĩ, Ngôn ngữ Anh	Giảng viên	Tiếng Anh chuyên ngành	Khoa Ngoại ngữ
39	Trần Thị Hạnh	1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010 Giao dục học (LL & PPDH Tiếng Anh)	Giảng viên	Tiếng Anh	Khoa Ngoại ngữ
40	Phạm Minh Tuyền	1980	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012 <u>Công nghệ</u> Thông tin	Giảng viên	Tin học căn bản.	Phòng CT HSSV

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

Số TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Giảng đường	2	300	Projector, máy vi tính, loa, đài	02	Tất cả các môn
2	Phòng học	61	5473	Projector, máy vi tính, loa, đài	20% số phòng	Tất cả các môn
3	Phòng học ngoại ngữ, đa phương tiện	03	320	Projector, máy vi tính, tai nghe	04 27 65	Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung
4	Phòng thực hành tin học	06	524	Máy vi tính có nối mạng	197	Tin học
5	Sân vận động	01	4200			Giáo dục thể chất
6	Nhà thi đấu đa năng	01	1586	Các thiết bị âm thanh, chiếu sáng	Đủ	Giáo dục thể chất

11.2. Thư viện

Hệ thống giáo trình, bài giảng

(Thông kê các giáo trình, bài giảng ở lĩnh vực chuyên ngành)

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Cơ sở ngôn ngữ học/T.1	Hữu Quỳnh	NXB Giáo dục	1977	10	Dẫn luận ngôn ngữ học
	Cơ sở ngôn ngữ học/T.2	Hữu Quỳnh	NXB Giáo dục	1978	34	
2	Địa lý kinh tế Việt Nam.	PGS.PTS. Lê Thông chủ biên, PGS.PTS. Nguyễn Minh Tuệ, Phạm Tế Xuyên, PTS. Nguyễn Thế Chinh	NXB Hà Nội	1997	82	Địa lý du lịch Việt Nam
	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	Trịnh Xuân Dũng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	5	
	Lữ hành du lịch. / Quản trị và công nghệ.	Trần Văn Mậu	NXB Giáo dục	1998	39	
	Marketing trong lĩnh vực lữ hành và khách sạn.	Alastair M. Morrison; Bùi Xuân Nhật chủ biên ...[và những người khác]. / T.1	NXB Hà Nội	1998	15	
	Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam.	Nguyễn Văn Âu	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2002	29	
	Một số vấn đề về du lịch Việt Nam.	Đình Trung Kiên	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2006	52	
	Nghệ thuật hướng dẫn du lịch.	Đình Trung Kiên	NXB Đại học	2006	47	

			quốc gia Hà Nội			
	Nhập môn khoa học du lịch.	Trần Đức Thanh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2005	53	
	Nhật Bản quần đảo xinh đẹp và gan góc	Dương Lan Hải	NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghệ	1991	20	
	Quy hoạch du lịch.	G.Cazes, R.Lanquar, Y.Ray nouard; Người dịch Đào Đình Bắc	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2005	100	
	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục Việt Nam	2012	2	
	Tuyển điểm du lịch Việt Nam.	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục Việt Nam	2010	31	
3	Bản đồ học. /	Lâm Quang Dốc, Phạm Ngọc Đĩnh, Lê Huỳnh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	1995	29	Địa lý Việt Nam
	Bản đồ học. / Giáo trình Cao đẳng sư phạm.	Lâm Quang Dốc	NXB Đại học sư phạm	2004	50	
	Bản đồ học. / Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP.	PGS.PTS. Lê Huỳnh	NXB Giáo dục	1998	86	
	Các nước Tây Âu. / Một vài nét về địa lý kinh tế - xã hội.	Phan Huy Xu, Mai Phú Thanh	NXB Giáo dục	1995	39	
	Đại cương khoa học trái đất.	Hoàng Ngọc Oanh	NXB Đại học	1998	46	

			quốc gia Hà Nội			
	Dân số học .	GS.PTS. Tổng Văn Đường chủ biên; PGS.PTS. Nguyễn Đình Cừ, PTS. Phạm Quý Thọ	NXB Giáo dục	1997	94	
	Dân số học đại cương.	Nguyễn Kim Hồng / -	NXB Giáo dục	1998	28	
	Dân số học đại cương.	PGS.PTS. Nguyễn Minh Tuệ, PGS.PTS Nguyễn Văn Lê	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	1997	94	
	Dân số, môi trường, tài nguyên.	Lê Thông chủ biên, Nguyễn Hữu Dũng	NXB Giáo dục	1998	20	
	Dân số, môi trường, tài nguyên.	Lê Thông chủ biên, Nguyễn Hữu Dũng	NXB Giáo dục	1999	87	
	Địa chất đại cương và địa chất lịch sử. / Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP.	Phùng Ngọc Đĩnh	NXB Giáo dục	1998	39	
	Địa chất đại cương.	Phùng Ngọc Đĩnh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	1997	69	
	Địa danh Việt Nam	Nguyễn Văn Âu	NXB Giáo dục	1993	17	
	Địa hình bề mặt trái đất / Giáo trình <u>đào tạo</u> giáo viên Trung học cơ sở hệ CĐSP .	Đỗ Hưng Thành	NXB Giáo dục	2001	1	

Địa hình bề mặt trái đất. / Giáo trình Đại học Sư phạm.	Phùng Ngọc Đĩnh	NXB Đại học sư phạm	2005	10
Địa hình bề mặt trái đất. / Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP.		NXB Giáo dục	1998	88
Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam. / Các tỉnh và thành phố đồng bằng sông Hồng.	Lê Thông chủ biên. / P.1	NXB Giáo dục	2001	10
Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam. / Các tỉnh vùng Đông Bắc.	PGS.TS. Lê Thông...[và những người khác]. / T.2	NXB Giáo dục	2001	30
Địa lí địa phương. / Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP.	PGS.PTS. Lê Huỳnh, PGS.PTS. Nguyễn Minh Tuệ	NXB Giáo dục	1999	49
Địa lí Đông Nam Á. / Những vấn đề kinh tế - xã hội.	Phan Huy Xu, Mai Phú Thanh	NXB Giáo dục	1998	28
Địa lí Đông Nam Á. / Những vấn đề kinh tế - xã hội.	Phan Huy Xu, Mai Phú Thanh	NXB Giáo dục	2000	21
Địa lí kinh tế - xã hội đại cương. / Giáo trình Cao đẳng sư phạm.	Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông	NXB Đại học sư phạm	2005	49
Địa lí kinh tế - xã hội đại cương. / Giáo trình Cao đẳng sư phạm.	Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông	NXB Đại học sư phạm	2007	6
Địa lí tự nhiên đại cương 1. / Trái đất và thạch quyển. Giáo trình Cao đẳng sư phạm.	Nguyễn Trọng Hiếu chủ biên, Phùng Ngọc Đĩnh	NXB Đại học sư phạm	2004	53

Địa lí tự nhiên đại cương 3. / Thổ nhưỡng quyển, sinh quyển, <u>lớp vỏ</u> cảnh quan và các quy luật địa lí của trái đất. Giáo trình Cao đẳng sư phạm.	Nguyễn Kim Chương chủ biên, Nguyễn Trọng Hiếu, Lê Thị Ngọc Khanh, Đỗ Thị Nhung	NXB Đại học sư phạm	2004	52
Địa lí tự nhiên Việt Nam. / Phần khái quát. Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP. /	PGS.PTS. Đặng Duy Lợi, PTS. Nguyễn Thục Nhu	NXB Giáo dục	1999	119
Địa lý 7	Nguyễn Dược	NXB Giáo dục	2012	1
Địa lý kinh tế - xã hội thế giới. / Các nước Châu Á.	PTS. Đan Thanh chủ biên, PTS. Nguyễn Giang Tiến. / T.2	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	1996	70
Địa lý kinh tế - xã hội thế giới. / Các nước Châu Mỹ - Phi và Oxytralia.	Trần Bích Thuận, Tạ Bảo Kim. / T.3	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	1996	63
Địa lý kinh tế - xã hội thế giới. / Phần khái quát và các nước Châu Âu.	PTS. Đan Thanh, Trần Bích Thuận. / T.1	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	1996	62
Địa lý kinh tế Việt Nam.	PGS.PTS. Lê Thông chủ biên, PGS.PTS. Nguyễn Minh Tuệ, Phạm Tế Xuyên, PTS. Nguyễn Thế Chinh	NXB Hà Nội	1997	82
Địa lý kinh tế Việt Nam//	Trần Duy Liên	NXB Đại học Đà Lạt	1995	32
Địa lý tự nhiên biển đông.	Nguyễn Văn Âu	NXB Đại học	1999	19

			quốc gia Hà Nội			
	Địa lý tự nhiên biển đông.	Nguyễn Văn Âu	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2002	29	
	Địa lý tự nhiên các lục địa	Nguyễn Phi Hạnh. / T.2	NXB Giáo dục	1984	1	
	Địa lý tự nhiên Việt Nam.	GS. Vũ Tự Lập	NXB Giáo dục	1999	37	
	Địa mạo đại cương.	Đào Đình Bắc	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2004	35	
	Giáo trình giáo dục dân số - môi trường và giảng dạy địa lí địa phương.	PGS.TS. Lê Huỳnh chủ biên, PGS.TS. Nguyễn Thu Hằng	NXB Đại học sư phạm	2005	49	
	Giáo trình giáo dục dân số - môi trường và giảng dạy địa lí địa phương.	PGS.TS. Lê Huỳnh chủ biên, PGS.TS. Nguyễn Thu Hằng	NXB Đại học sư phạm	2007	10	
	Giáo trình khảo sát tổng hợp về tự nhiên và kinh tế - xã hội. / Sách dành cho Cao đẳng sư phạm.	Nguyễn Viết Thịnh, Nguyễn Thị Kim Chương	NXB Đại học sư phạm	2007	50	
	Giáo trình khoa học trái đất.	PGS.TS. Lưu Đức Hải, GS.TS. Trần Nghi	NXB Giáo dục	2008	14	
	Giáo trình lí luận dạy học địa lí. / Phần cụ thể. Giáo trình Cao đẳng sư phạm.	PGS.TS. Đặng Văn Đức chủ biên, PGS.TS. Nguyễn Thu Hằng, ThS. Mai Hà Phương	NXB Đại học sư phạm	2007	50	
	Giáo trình tài nguyên khí hậu. /	Hoàng Xuân Cơ	NXB Đại học	2000	20	

	Mai Trọng Thông chủ biên,		quốc gia Hà Nội			
	Khí hậu Việt Nam	Phạm Ngọc Toàn, Phan Tất Đắc	NXB Khoa học và kỹ thuật	1978	11	
4	Giáo trình Hán Nôm/T.1	GS. Phan Văn Các chủ biên, GS. Trương Đình Nguyên, GS. Nguyễn Đức Sâm, Hồ Hoàng Biên, Lê Văn Tầm	NXB Giáo dục	1984	70	Hán Nôm 1
5	Giáo trình Hán Nôm/T.2	GS. Phan Văn Các chủ biên, GS. Trương Đình Nguyên, GS. Nguyễn Đức Sâm, Hồ Hoàng Biên, Lê Văn Tầm	NXB Giáo dục	1985	44	Hán Nôm 2
6	Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa. / 1858 - 1945.	Nguyễn Văn Khánh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	1999	10	Lịch sử Việt Nam 1
7	Khái quát về lịch sử Tiếng Việt và ngữ âm Tiếng Việt hiện đại	Hữu Quỳnh, Vương Lộc	NXB Giáo dục	1979	50	Ngữ âm Tiếng Việt
	Ngữ âm học Tiếng Việt hiện đại	Cù Đình Tú, Hoàng Văn Thung, Nguyễn Nguyên Trứ	NXB Giáo dục	1977	44	
8	Ngữ pháp Tiếng Việt	Nguyễn Tài Cẩn	NXB Đại học và Trung học chuyên nghịệp	1981	65	Ngữ pháp Tiếng Việt

	Ngữ pháp tiếng Việt hiện đại	Hữu Quỳnh	NXB Giáo dục	1980	2	
9	Phong cách học - Thực hành tiếng Việt	Võ Bình, Lê Anh Hiền	NXB Giáo dục	1983	32	Phong cách học
	Phong cách học tiếng Việt	Cù Đình Tú, Lê Văn Hiền, Nguyễn Thái Hòa, Võ Bình	NXB Giáo dục	1982	14	
10	Chữa lỗi chính tả cho học sinh	Phan Ngọc	NXB Giáo dục	1982	15	Tiếng việt thực hành
	Chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ	Nguyễn Ngọc Nhi	NXB Giáo dục	1984	25	
	Giáo trình tiếng Việt/T.1	Trịnh Mạnh, Nguyễn Huy Đàn	NXB Giáo dục	1976	6	
	Giáo trình tiếng Việt/T.2	Trịnh Mạnh, Nguyễn Huy Đàn	NXB Giáo dục	1977	6	
	Giáo trình tiếng Việt/T.2	Trịnh Mạnh, Nguyễn Huy Đàn	NXB Giáo dục	1978	10	
	Giáo trình tiếng Việt/T.2	Trịnh Mạnh, Nguyễn Huy Đàn	NXB Giáo dục	1978	12	
	Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt	Hồ Chủ tịch...[và những người khác]	NXB Giáo dục	1977	16	
	Tiếng Việt	Nguyễn Văn Hào, Hoàng Xuân Tâm, Bùi Tất Tươi	NXB Trường cao đẳng sư phạm Long an	1988	17	
11	Từ và vốn từ Tiếng Việt hiện đại	Nguyễn Văn Tu	NXB Đại học và Trung	1978	21	Từ vựng-Ngữ nghĩa Tiếng Việt

			học chuyên nghệ			
12	Lí luận văn học/T.1	Phương Lưu, Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà	NXB Giáo dục	1986	20	Văn học hiện đại
13	Lí luận văn học/T.2	Trần Đình Sử, Phương Lưu, Nguyễn Xuân Nam	NXB Giáo dục	1987	11	Văn học hiện đại Việt Nam
	Mấy vấn đề lý luận văn học	Lê Văn Bài, Nguyễn Thị Dư Khánh, Hoàng Thiệu <u>khang</u> , Lê Đình Kỵ, Phùng Văn Nghệ	NXB Trường Cao đẳng sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	1984	46	
	Phụ lục giáo trình Tiếng Việt và Văn học	Nguyễn Huy Đàn, Nguyễn Quang Ninh, Nguyễn Đức Tiểu, Nguyễn Trí, Thanh Ứng	NXB Vụ đào tạo bồi dưỡng	1990	49	
	Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam	Nguyễn Văn Long, Trần Hữu Tá	NXB Giáo dục	1981	14	
	Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam/T.2	Bùi văn Nguyễn, Nguyễn Nghĩa Dân	NXB Giáo dục	1979	14	
14	Dẫn luận nghiên cứu văn học/T.1	G.N. Pospelov; Trần Đình Sử <u>dịch</u>	NXB Giáo dục	1985	18	Văn học Trung đại, Văn học hiện đại Việt Nam
	Dẫn luận nghiên cứu văn học/T.2	G.N. Pospelov; Trần Đình Sử dịch	NXB Giáo dục	1985	17	
	Lịch sử văn học Việt Nam/T.1 - P.1	Bùi Văn Nguyễn...[và những người khác]	NXB Giáo dục	1978	41	

Lịch sử văn học Việt Nam/T.1 - P.2	Bùi Văn Nguyên...[và những người khác]	NXB Giáo dục	1976	5
Lịch sử văn học Việt Nam/T.2	Bùi Văn Nguyên...[và những người khác]	NXB Giáo dục	1976	5
Lịch sử văn học Việt Nam/T.2	Bùi Văn Nguyên...[và những người khác]	NXB Giáo dục	1978	40
Lịch sử văn học Việt Nam/T.3	Lê Trí Viễn ...[và những người khác]	NXB Giáo dục	1978	38
Lịch sử văn học Việt Nam/T.4A	Lê Trí Viễn ...[và những người khác]	NXB Giáo dục	1976	13
Lịch sử văn học Việt Nam/T.4B	Lê Trí Viễn ...[và những người khác]	NXB Giáo dục	1976	30
Lịch sử văn học Việt Nam/T.5 - P.1	Huỳnh Lý, Hoàng Dung, Nguyễn Trác	NXB Giáo dục	1976	185
Lịch sử văn học Việt Nam/T.5 - P.2	Huỳnh Lý, Hoàng Dung, Nguyễn Trác	NXB Giáo dục	1978	17
Lịch sử văn học Việt Nam/T.6 - P.1	Huỳnh Lý, Nguyễn Văn Long, Nguyễn Trác	NXB Giáo dục	1980	105
Văn học/T.1	GS.Trần Đình Sử	NXB Giáo dục	1994	1
Văn học/T.2	Nguyễn,Đình Chú	NXB Giáo dục	1994	1
Văn học/T.2	Nguyễn,Đình Chú	NXB Giáo dục	1995	1

Văn học/T.3	Nguyễn Văn Long	NXB Giáo dục	1998	1	
Về vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại		NXB Giáo dục	1978	1	
Lí luận văn học/T.3	Phương Lưu, Nguyễn Xuân Nam, Thành Thế Thái Bình	NXB Giáo dục	1988	21	

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Đây là chương trình được xây dựng trên cơ sở chương trình khung ngành Việt Nam học theo hướng đào tạo theo tín chỉ.

Chương trình được biên soạn theo hướng tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận theo nhóm và cả lớp, làm các bài tập và thực hành. Giảng viên có thể áp dụng tỉ lệ số giờ lý thuyết và số giờ thực hành dựa vào đặc trưng của từng môn học, phù hợp với việc đổi mới phương pháp dạy và học đại học.

12.1. Lịch trình đào tạo được tổ chức theo nguyên tắc

Khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành học trước; khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành và nghiệp vụ học sau. Một số môn học của khối kiến thức cơ sở ngành có thể bố trí xen kẽ trong các học kì đầu để bảo đảm tiến trình đào tạo.

12.2. Về chương trình khung đào tạo trình độ đại học ngành Việt Nam học

Khung chương trình đào tạo ghi rõ tên khối kiến thức, tên môn học. Khi lập thời khoá biểu cho từng học kì (đã sắp xếp), ngoài việc thực hiện nguyên tắc nêu trên, cần chú ý:

- Những môn học có môn tiên quyết chỉ được sắp xếp sau những môn tiên quyết của môn học đó.
- Học kì có nhiều môn học thực hành, thực tập thì thời lượng có thể ít hơn so với học kì đa phần là môn học lý thuyết.
- Học kì 8, thiết kế chương trình dành phần lớn thời gian cho sinh viên thực tập và làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học học phần thay thế.

12.3. Về môn học Giáo dục thể chất

Ngoài nội dung lý thuyết, phần nội dung thực hành có thể được tổ chức học theo phương thức tập trung hoặc theo lớp học cho phù hợp với điều kiện vật chất của nhà trường.

12.4. Về môn Giáo dục quốc phòng – an ninh

Do Trung tâm Giáo dục Thể chất và Quốc phòng của Nhà trường giảng dạy và cấp chứng chỉ.

12.5. Về khoá luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần thay thế

Về điều kiện giao đề tài khoá luận tốt nghiệp và tổ chức cho sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp theo quy định cụ thể của nhà trường và thông báo chi tiết của khoa vào đầu mỗi học kì.

Những sinh viên không đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp thì phải tích lũy đủ các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG